

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 286/QĐ-ĐHQGHN

Hà Nội, ngày 16 tháng 01 năm 2015

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định quản lý hoạt động khoa học và công nghệ
ở Đại học Quốc gia Hà Nội**

GIÁM ĐỐC ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI

Căn cứ Luật khoa học và công nghệ ngày 18 tháng 6 năm 2013;

Căn cứ Luật đầu tư công ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 186/2013/NĐ-CP ngày 17 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ về Đại học Quốc gia;


Căn cứ Quy chế tổ chức và hoạt động của Đại học Quốc gia và các cơ sở giáo dục đại học thành viên được ban hành theo Quyết định số 26/2014/QĐ-TTg ngày 26/3/2014 của Thủ tướng Chính phủ;

Xét đề nghị của Trưởng Ban Khoa học Công nghệ,

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định quản lý hoạt động khoa học và công nghệ ở Đại học Quốc gia Hà Nội.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành và thay thế các văn bản trước đây về các vấn đề có liên quan trong quản lý hoạt động khoa học và công nghệ ở Đại học Quốc gia Hà Nội.

Điều 3. Chánh Văn phòng, Trưởng Ban chức năng, Thủ trưởng đơn vị thuộc ĐHQGHN và tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./. 

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Các Bộ: KH&CN, TC, GD&ĐT, TN&MT (để b/c);
- Đảng ủy ĐHQGHN (để b/c);
- Giám đốc (để b/c);
- Các Phó Giám đốc (để chi đạo);
- Lưu: VT, KHCN, T100.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**




Nguyễn Hữu Đức

QUY ĐỊNH

Quản lý hoạt động khoa học và công nghệ ở Đại học Quốc gia Hà Nội
*(Ban hành kèm theo Quyết định số 286/QĐ-ĐHQGHN ngày 16 tháng 01 năm 2015
của Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội)*

Chương I **QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Văn bản này quy định việc quản lý và tổ chức các hoạt động khoa học và công nghệ (KH&CN) ở Đại học Quốc gia Hà Nội (ĐHQGHN), bao gồm:

- Quản lý nhiệm vụ KH&CN;
- Quản lý nhiệm vụ KH&CN hợp tác trong nước và quốc tế;
- Quản lý và tổ chức hoạt động nghiên cứu khoa học của sinh viên;
- Quản lý đầu tư về KH&CN;
- Quản lý và tổ chức khai thác hệ thống trang thiết bị KH&CN;
- Quản lý và tổ chức hội nghị, hội thảo khoa học;
- Quản lý, sử dụng kết quả hoạt động KH&CN và thông tin KH&CN;
- Khen thưởng và xử lý vi phạm trong hoạt động KH&CN.

2. Văn bản này áp dụng cho các đơn vị thành viên, đơn vị trực thuộc ĐHQGHN (sau đây gọi là đơn vị) và tổ chức, cá nhân tham gia thực hiện hoạt động KH&CN của ĐHQGHN.

Điều 2. Nguồn lực thực hiện các hoạt động khoa học và công nghệ

1. Nguồn lực thực hiện các hoạt động KH&CN ở ĐHQGHN

a) Nguồn nhân lực, bao gồm: đội ngũ cán bộ khoa học và nghiên cứu sinh, học viên cao học, sinh viên.

b) Hệ thống phòng thí nghiệm, trang thiết bị nghiên cứu.

c) Kinh phí, bao gồm:

- Kinh phí sự nghiệp KH&CN, kinh phí sự nghiệp môi trường, kinh phí đầu tư phát triển, kinh phí sự nghiệp kinh tế;

- Quỹ phát triển KH&CN quốc gia và Quỹ Phát triển KH&CN ĐHQGHN;

- Kinh phí thực hiện các nhiệm vụ KH&CN của Bộ, ngành, địa phương;
- Kinh phí hỗ trợ từ nguồn thu sự nghiệp KH&CN của các đơn vị;
- Kinh phí hỗ trợ của cơ quan, doanh nghiệp sử dụng kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ;
- Kinh phí của dự án quốc tế, tài trợ của cá nhân, tổ chức;
- Kinh phí từ các nguồn thu hợp pháp khác.

2. ĐHQGHN thống nhất quản lý và điều hành các nguồn lực nói trên theo quy định hiện hành của Nhà nước và của ĐHQGHN nhằm nâng cao chất lượng và hiệu quả của hoạt động KH&CN.

Chương II

QUẢN LÝ NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

Điều 3. Chương trình khoa học và công nghệ trọng điểm cấp quốc gia do Đại học Quốc gia Hà Nội chủ trì

1. Chương trình KH&CN trọng điểm cấp quốc gia do ĐHQGHN chủ trì là chương trình KH&CN trọng điểm do Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ phê duyệt và giao cho ĐHQGHN là cơ quan chủ trì quản lý và tổ chức thực hiện.

2. Công tác quản lý và tổ chức hoạt động của Chương trình thực hiện theo Quy chế tổ chức và hoạt động của chương trình KH&CN trọng điểm do Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành hoặc ủy quyền cho Giám đốc ĐHQGHN ban hành và các quy định của Nhà nước có liên quan.

Điều 4. Chương trình nghiên cứu trọng điểm cấp Đại học Quốc gia Hà Nội

1. Chương trình nghiên cứu trọng điểm cấp ĐHQGHN do Giám đốc ĐHQGHN quyết định thành lập để triển khai các nhiệm vụ KH&CN hướng tới các sản phẩm KH&CN hoàn chỉnh, trình độ cao.

2. Căn cứ vào chiến lược phát triển và kế hoạch hằng năm của ĐHQGHN, Giám đốc ĐHQGHN giao nhiệm vụ cho đơn vị, hội đồng ngành, liên ngành hoặc tổ công tác xây dựng thuyết minh, khung chương trình.

3. ĐHQGHN tổ chức Hội đồng thẩm định thuyết minh, khung chương trình. Thành phần Hội đồng thẩm định và quy trình họp thẩm định thực hiện như đối với Hội đồng thẩm định thuyết minh nhiệm vụ KH&CN cấp ĐHQGHN tại Quy định về quản lý nhiệm vụ KH&CN cấp ĐHQGHN ban hành kèm theo Quyết định số 3839/QĐ-ĐHQGHN ngày 24/10/2014 của Giám đốc ĐHQGHN (sau đây gọi là Quy định 3839).

4. Giám đốc ĐHQGHN phê duyệt và ban hành khung (tên, mục tiêu, nội dung, sản phẩm, các chỉ tiêu cần đạt) chương trình; quyết định thành lập Ban Chủ nhiệm chương trình.

5. Hằng năm, căn cứ vào khung chương trình KH&CN trọng điểm cấp ĐHQGHN được phê duyệt, Ban Chủ nhiệm chương trình phối hợp với Ban KHCN tổ chức xác định danh mục đề tài KH&CN của chương trình.

6. Quy trình tuyển chọn, xét chọn, phê duyệt và quản lý các đề tài của chương trình được thực hiện theo Quy định 3839. Việc triển khai nhiệm vụ thực hiện thống nhất theo kế hoạch của đề tài KH&CN cấp ĐHQGHN.

7. Ban Chủ nhiệm chương trình có trách nhiệm theo dõi, đánh giá tiến độ thực hiện các đề tài của chương trình; định kỳ và đột xuất (khi có yêu cầu) báo cáo ĐHQGHN (theo Mẫu 01/QLKHCN qua Ban Khoa học Công nghệ) về tình hình thực hiện chương trình; tổ chức tổng kết chương trình sau khi kết thúc.

Điều 5. Nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp Đại học Quốc gia Hà Nội

Việc quản lý và tổ chức thực hiện nhiệm vụ KH&CN cấp ĐHQGHN được thực hiện theo Quy định 3839.

Điều 6. Nhiệm vụ bảo vệ môi trường, điều tra cơ bản và các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp Đại học Quốc gia khác

1. Nhiệm vụ bảo vệ môi trường, điều tra cơ bản và các nhiệm vụ KH&CN cấp ĐHQGHN khác thực hiện bằng nguồn kinh phí sự nghiệp môi trường, sự nghiệp kinh tế và nguồn kinh phí khác từ các Bộ, ngành liên quan theo quyết định phê duyệt của Giám đốc ĐHQGHN.

2. Căn cứ vào nhiệm vụ chung và đề xuất của cá nhân, đơn vị về nhiệm vụ KH&CN liên quan, ĐHQGHN xem xét hoặc tổ chức xác định nhiệm vụ, tổng hợp đưa vào kế hoạch tổng thể hằng năm để báo cáo Bộ, ngành liên quan phê duyệt theo quy định.

3. Sau khi được Bộ, ngành phê duyệt và cấp kinh phí, ĐHQGHN quyết định phê duyệt, giao thực hiện và quản lý nhiệm vụ như đối với đề tài KH&CN cấp ĐHQGHN.

Điều 7. Nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở

1. Thủ trưởng đơn vị ban hành quy định về quản lý và tổ chức thực hiện nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở phù hợp với quy định của Nhà nước và của ĐHQGHN.

2. Định kỳ và đột xuất (khi có yêu cầu) thủ trưởng đơn vị báo cáo ĐHQGHN (theo Mẫu 01/QLKHCN qua Ban Khoa học Công nghệ) tình hình quản lý, tổ chức và kết quả thực hiện đề tài KH&CN cấp cơ sở.

Điều 8. Dự án sản xuất thử nghiệm

1. Dự án sản xuất thử nghiệm là nhiệm vụ khoa học và công nghệ triển khai để hoàn thiện công nghệ mới, sản phẩm mới trước khi đưa vào sản xuất và phục vụ đời sống. Dự án sản xuất thử nghiệm phải có xuất xứ từ một trong các kết quả khoa học sau đây:

- a) Sản phẩm KH&CN được cấp bằng sáng chế;
- b) Sản phẩm KH&CN được cấp chứng nhận giải pháp hữu ích;
- c) Sản phẩm KH&CN được tặng giải thưởng tại hội thi sáng tạo, hội chợ công nghệ quốc gia;
- d) Kết quả của đề tài, dự án nghiên cứu có triển vọng áp dụng trong thực tế được hội đồng nghiệm thu có kiến nghị bằng văn bản chỉ rõ có thể tạo thành sản phẩm hoàn chỉnh;

e) Kết quả KH&CN của nước ngoài đã được tổ chức có thẩm quyền thẩm định và công nhận đủ điều kiện triển khai sản xuất thử.

2. Sản phẩm đầu ra phải đảm bảo được một trong các yêu cầu sau:

a) Công nghệ hoặc sản phẩm khoa học và công nghệ dự kiến đảm bảo tính ổn định ở quy mô sản xuất nhỏ và có tính khả thi trong ứng dụng hoặc triển khai ở quy mô sản xuất hàng loạt.

b) Có địa chỉ ứng dụng và thị trường tiêu thụ.

3. Thời gian thực hiện tùy thuộc vào tính chất và quy mô của dự án, nhưng không quá 24 tháng đối với dự án thuộc lĩnh vực công nghiệp và 36 tháng đối với dự án thuộc lĩnh vực nông, lâm, ngư nghiệp.

4. Quy trình tuyển chọn, thực hiện và quản lý dự án sản xuất thử nghiệm thực hiện như đối với các nhiệm vụ KH&CN cấp ĐHQGHN tại Quy định 3839.

5. Mức kinh phí hỗ trợ dự án từ ngân sách nhà nước do Giám đốc ĐHQGHN quyết định phù hợp với Thông tư liên tịch 22/2011/TTLT-BTC-BKHCN ngày 21 tháng 02 năm 2011 của Bộ Khoa học và Công nghệ - Bộ Tài chính.

Điều 9. Phối hợp quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ thuộc trách nhiệm chủ trì của các Bộ, ngành, địa phương

1. Quyền hạn và trách nhiệm của ĐHQGHN

a) Trên cơ sở đề xuất của đơn vị, cá nhân; căn cứ vào kế hoạch KH&CN và định hướng ưu tiên hàng năm, ĐHQGHN xem xét hoặc tổ chức xây dựng danh mục nhiệm vụ, tổng hợp gửi các Bộ, ngành liên quan theo quy định.

b) Cùng với các Bộ, ngành liên quan phê duyệt thuyết minh nhiệm vụ. Trong trường hợp được ủy quyền, cùng phối hợp ký hợp đồng thực hiện với

vai trò là bên giao nhiệm vụ.

c) Phối hợp với Bộ, ngành, địa phương thực hiện chức năng quản lý liên quan đối với các nhiệm vụ KH&CN do các đơn vị chủ trì thực hiện.

2. Quyền hạn và trách nhiệm của các đơn vị là cơ quan chủ trì thuộc ĐHQGHN

a) Tổng hợp hoặc/và tổ chức xây dựng đề xuất nhiệm vụ, báo cáo ĐHQGHN để xem xét, tổng hợp báo cáo Bộ, ngành, địa phương liên quan.

b) Tạo điều kiện thuận lợi cho chủ nhiệm nhiệm vụ và thành viên nhóm nghiên cứu thực hiện đúng tiến độ nhiệm vụ theo hợp đồng đã ký kết.

c) Phối hợp quản lý hiệu quả việc công bố và ứng dụng kết quả, sản phẩm KH&CN của nhiệm vụ KH&CN theo quy định của Luật Sở hữu trí tuệ và Quy định 3839 của ĐHQGHN.

d) Định kỳ báo cáo Bộ, ngành, địa phương và ĐHQGHN về tình hình và kết quả thực hiện.

e) Phối hợp với các cơ quan liên quan xử lý nhiệm vụ KH&CN không hoàn thành theo quy định của Nhà nước và của ĐHQGHN.

g) Thực hiện thu và sử dụng quản lý phí các nhiệm vụ KH&CN theo quy định hiện hành của Nhà nước và của ĐHQGHN.

3. Quyền hạn và trách nhiệm của chủ nhiệm nhiệm vụ

a) Thực hiện đầy đủ, đảm bảo chất lượng và đúng tiến độ nội dung nhiệm vụ theo hợp đồng đã ký kết.

b) Định kỳ và đột xuất (khi có yêu cầu) báo cáo với cơ quan chủ trì, ĐHQGHN và cơ quan liên quan về tình hình và kết quả thực hiện nhiệm vụ được giao (Mẫu 01/QLKH&CN).

c) Hỗ trợ công tác đào tạo của đơn vị và của ĐHQGHN.

Chương III

QUẢN LÝ NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ HỢP TÁC TRONG NƯỚC VÀ QUỐC TẾ

Điều 10. Nhiệm vụ khoa học và công nghệ hợp tác trong nước

1. Nhiệm vụ KH&CN hợp tác trong nước là các đề tài, dự án được triển khai trong khuôn khổ hợp tác giữa ĐHQGHN (hoặc đơn vị) và các đối tác trong nước bằng kinh phí của đối tác hoặc kinh phí của cả hai bên.

2. Căn cứ vào nhu cầu đặt hàng của đối tác và tiềm lực KH&CN của ĐHQGHN, ĐHQGHN tổ chức xây dựng và thống nhất danh mục nhiệm vụ với đối tác.

3. Việc xét chọn, tuyển chọn, phê duyệt và quản lý đề tài, dự án hợp tác thực hiện phù hợp với quy định, thỏa thuận của hai bên.

a) Trường hợp kinh phí hỗ trợ nghiên cứu của đối tác được cấp thông qua ĐHQGHN hoặc có sử dụng kinh phí của ĐHQGHN, ĐHQGHN tổ chức tuyển chọn, xét chọn, phê duyệt và quản lý theo Quy định 3839 như đối với nhiệm vụ KH&CN cấp ĐHQGHN.

b) Trường hợp đối tác cấp kinh phí nghiên cứu và trực tiếp quản lý đề tài, dự án, việc tuyển chọn, xét chọn thực hiện theo quy định của đối tác.

4. Định kỳ và đột xuất (khi có yêu cầu) chủ nhiệm đề tài, dự án báo cáo với đơn vị chủ trì và ĐHQGHN (qua Ban Khoa học Công nghệ) về tình hình và kết quả thực hiện (Mẫu 01/QLKHCN).

5. Định kỳ và hằng năm ĐHQGHN (đầu mỗi là Ban Khoa học Công nghệ) thực hiện kiểm tra, xây dựng báo cáo và tổ chức đánh giá tình hình triển khai hợp tác để báo cáo Giám đốc ĐHQGHN và phía đối tác.

Điều 11. Nhiệm vụ khoa học và công nghệ hợp tác quốc tế

1. Nhiệm vụ KH&CN hợp tác quốc tế bao gồm: chương trình, đề tài, dự án nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ do cá nhân hoặc tổ chức triển khai thực hiện dưới danh nghĩa của ĐHQGHN (hoặc đơn vị) hợp tác với đối tác nước ngoài (bao gồm nhà tài trợ hoặc/và đối tác chuyên môn) trong khuôn khổ các chương trình tài trợ quốc tế, hợp tác theo nghị định thư hoặc hợp tác song phương khác.

a) Nhiệm vụ KH&CN hợp tác quốc tế hoàn toàn bằng kinh phí nước ngoài tài trợ thực hiện theo các văn bản pháp quy của Nhà nước và quy định của các chương trình tài trợ.

b) Nhiệm vụ KH&CN theo Nghị định thư thực hiện theo Thông tư 12/2014/TT-BKHCN ngày 30 tháng 5 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về quản lý các nhiệm vụ khoa học và công nghệ theo Nghị định thư.

c) Nhiệm vụ KH&CN hợp tác quốc tế có sử dụng kinh phí của ĐHQGHN, thực hiện quy trình đề xuất, tuyển chọn, phê duyệt và quản lý theo Quy định 3839, đồng thời tuân thủ các văn bản pháp quy của Nhà nước về hợp tác quốc tế trong KH&CN.

2. Định kỳ và đột xuất (khi có yêu cầu) chủ nhiệm đề tài, dự án phải báo cáo với các đơn vị chủ trì và ĐHQGHN (qua Ban Khoa học Công nghệ) về tình hình và kết quả thực hiện (Mẫu 01/QLKHCN).

3. ĐHQGHN (đầu mỗi là Ban Khoa học Công nghệ chủ trì phối hợp với Ban Hợp tác và Phát triển, Ban Kế hoạch Tài chính) định kỳ tổ chức kiểm tra tình hình thực hiện và sử dụng tài chính của đề tài, dự án.

Chương IV

QUẢN LÝ VÀ TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG NGHIÊN CỨU KHOA HỌC CỦA SINH VIÊN

Điều 12. Các hoạt động nghiên cứu khoa học của sinh viên

1. Nghiên cứu khoa học của nghiên cứu sinh, học viên cao học và sinh viên (gọi chung là sinh viên) bao gồm các hoạt động: nghiên cứu tài liệu khoa học, thực nghiệm khoa học trong phòng thí nghiệm, khảo sát thực địa, tham gia thực hiện đề tài nghiên cứu hoặc triển khai ứng dụng các tiến bộ KH&CN vào thực tiễn của các cán bộ trong và ngoài đơn vị; các hoạt động sáng tạo KH&CN; tham gia các hội nghị, hội thảo khoa học trong nước và quốc tế và các hoạt động hỗ trợ khác.

2. Hoạt động nghiên cứu khoa học sinh viên thực hiện theo các quy định trong Quy chế đào tạo và quy định liên quan của ĐHQGHN và của đơn vị.

3. Việc đánh giá hoạt động nghiên cứu khoa học sinh viên tiến hành hằng năm thông qua các hội nghị khoa học sinh viên.

a) Hội nghị khoa học sinh viên cấp khoa (bộ môn trực thuộc) nhằm lựa chọn những công trình tiêu biểu tham dự hội nghị khoa học sinh viên cấp trường (khoa trực thuộc).

b) Hội nghị khoa học sinh viên cấp trường (khoa trực thuộc) nhằm tuyển chọn những công trình tiêu biểu để dự thi giải thưởng công trình nghiên cứu khoa học của sinh viên cấp ĐHQGHN hoặc/và cấp Bộ Giáo dục và Đào tạo và các cấp khác.

4. Việc đánh giá hoạt động nghiên cứu khoa học sinh viên có thể thông qua các cuộc thi sáng tạo KH&CN sinh viên quốc gia và quốc tế.

5. Kinh phí cho hoạt động nghiên cứu khoa học sinh viên được trích từ các nguồn: kinh phí từ đề tài, dự án có sinh viên tham gia; kinh phí sự nghiệp KH&CN, kinh phí đào tạo; các nguồn thu hợp pháp khác của đơn vị; kinh phí hợp pháp do tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước tài trợ.

Điều 13. Quyền hạn và trách nhiệm của các đơn vị và Đại học Quốc gia Hà Nội

1. Các đơn vị

a) Ban hành quy định quản lý và tổ chức nghiên cứu khoa học của sinh viên; khen thưởng hoạt động nghiên cứu khoa học sinh viên theo đặc thù của đơn vị.

b) Trực tiếp giao nhiệm vụ và nguồn lực thực hiện theo kế hoạch hằng năm cho các bộ phận liên quan thuộc đơn vị và chịu trách nhiệm trước Giám đốc ĐHQGHN về công tác nghiên cứu khoa học sinh viên của đơn vị.

c) Tổ chức hội nghị khoa học sinh viên cấp đơn vị và chỉ đạo tổ chức hội nghị khoa học sinh viên cấp trực thuộc để lựa chọn những công trình tiêu biểu tham dự giải thưởng công trình nghiên cứu khoa học của sinh viên các cấp.

d) Tạo điều kiện và khuyến khích sinh viên tham gia các cuộc thi sáng tạo KH&CN quốc gia và quốc tế.

2. Đại học Quốc gia Hà Nội

a) Ban hành các quy định về việc quản lý, tổ chức và khen thưởng hoạt động nghiên cứu khoa học của sinh viên.

b) Tổ chức xét, trao giải thưởng cho các công trình nghiên cứu khoa học xuất sắc của sinh viên ĐHQGHN và các cấp khác theo quy định.

Chương V

QUẢN LÝ ĐẦU TƯ VỀ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

Điều 14. Dự án đầu tư thuộc lĩnh vực khoa học và công nghệ

1. Dự án đầu tư thuộc lĩnh vực KH&CN bao gồm: dự án đầu tư xây dựng cơ bản (từ nguồn vốn đầu tư phát triển cho KH&CN), dự án tăng cường năng lực nghiên cứu (từ nguồn vốn sự nghiệp KH&CN) và các dự án đầu tư khác cho KH&CN (từ các nguồn vốn hợp pháp khác).

2. Việc quản lý và thực hiện dự án đầu tư về KH&CN ở ĐHQGHN thực hiện theo quy định hiện hành của nhà nước và của ĐHQGHN.

Điều 15. Quyền hạn và trách nhiệm của Đại học Quốc gia Hà Nội

1. Ban hành quy định quản lý và thực hiện dự án đầu tư về KH&CN ở ĐHQGHN.

2. Xây dựng kế hoạch trung hạn của ĐHQGHN. Hằng năm, ĐHQGHN phê duyệt các dự án đầu tư phù hợp với kế hoạch trung hạn.

3. Đối với các dự án quốc gia quan trọng đầu tư tại ĐHQGHN do cơ quan có thẩm quyền cao hơn phê duyệt chủ trương đầu tư:

a) Lập báo cáo nghiên cứu tiền khả thi trình cấp có thẩm quyền theo quy định tại Điều 17 Luật đầu tư công số 49/2014/QH13 ngày 18 tháng 6 năm 2014 để được xem xét, quyết định về chủ trương đầu tư;

b) Khi dự án được phê duyệt thực hiện, ĐHQGHN là đơn vị thụ hưởng dự án và thực hiện vai trò nêu trong quyết định phê duyệt dự án.

4. Đối với các dự án do ĐHQGHN phê duyệt:

a) Tổ chức thẩm định các dự án bất kì thời điểm nào trong năm. Các dự án được đưa vào danh mục đầu tư của năm tiếp theo phải được phê duyệt chủ trương trước 31/3 và phê duyệt trước 30/6 của năm trước đó;

b) Hoàn thành thẩm định và phê duyệt dự án đầu tư KH&CN theo quy định hiện hành trong thời gian từ tháng 4 đến tháng 6 hằng năm;

c) Tổng hợp kế hoạch đầu tư và trình các Bộ, ngành liên quan phê duyệt trước ngày 30 tháng 6 hằng năm;

d) Thành lập Ban quản lý dự án đối với một số dự án lớn, liên ngành, có tính chất đặc thù để tư vấn và giúp việc cho chủ đầu tư;

đ) Tổ chức phân bổ kinh phí các dự án cho các đơn vị chủ đầu tư thực hiện trước ngày 20 tháng 01 hằng năm, phê duyệt kế hoạch thực hiện các hạng mục đầu tư trong dự án theo kế hoạch của dự án;

e) Quyết định điều chỉnh, tạm ngừng, hủy bỏ dự án; phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu các dự án đầu tư KH&CN;

f) Định kỳ giám sát, đánh giá quá trình thực hiện dự án đầu tư của chủ đầu tư và đơn vị thụ hưởng;

g) Điều chỉnh nhiệm vụ và thẩm quyền của chủ đầu tư trong trường hợp không đáp ứng quy định của pháp luật về thực hiện dự án;

h) Giải quyết các đề xuất, kiến nghị trong quá trình thực hiện dự án; xử lý vi phạm về việc thực hiện dự án theo các quy định hiện hành của Nhà nước về quản lý và thực hiện dự án đầu tư có liên quan;

i) Tổ chức nghiệm thu tổng thể dự án và quyết toán dự án đầu tư.

5. ĐHQGHN quyết định chủ đầu tư các dự án theo mục tiêu hiệu quả, phù hợp với năng lực của các đơn vị và đảm bảo liên thông, liên kết trong toàn ĐHQGHN.

Điều 16. Quyền hạn và trách nhiệm của chủ đầu tư

1. Đầu mối phối hợp với đơn vị thụ hưởng tổ chức lập dự án đầu tư trình ĐHQGHN thẩm định, phê duyệt; chịu trách nhiệm trước ĐHQGHN về toàn bộ nội dung của dự án.

2. Tổ chức thực hiện nội dung của dự án đầu tư đã được phê duyệt và được giao ngân sách theo đúng mục tiêu, tiến độ.

3. Ban Kế hoạch Tài chính làm đầu mối quản lý các dự án đầu tư về KH&CN ở ĐHQGHN. Định kỳ hoặc khi có yêu cầu, chủ đầu tư có trách nhiệm báo cáo tiến độ thực hiện dự án cho ĐHQGHN (qua Ban Kế hoạch Tài chính).

Điều 17. Quyền hạn và trách nhiệm của đơn vị thụ hưởng dự án

1. Phối hợp với đơn vị chủ đầu tư hoặc làm đầu mối lập dự án đầu tư trình ĐHQGHN đề nghị thẩm định, phê duyệt; chịu trách nhiệm trước ĐHQGHN về các nội dung chuyên môn của dự án do đơn vị đề xuất.

2. Có trách nhiệm bố trí địa điểm và cơ sở vật chất, nguồn nhân lực cần thiết để triển khai các nội dung đầu tư thuộc dự án.

3. Đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ để khai thác sản phẩm đầu tư; tổ chức khai thác, vận hành quản lý các hạng mục đầu tư đạt hiệu quả, đúng kế hoạch nhằm đạt mục tiêu, sản phẩm đề ra của dự án.

4. Chịu trách nhiệm thực hiện, hoàn thiện đầy đủ các sản phẩm của dự án sau quá trình đầu tư theo đúng cam kết trong thuyết minh dự án được phê duyệt.

5. Định kỳ và đột xuất (khi có yêu cầu) báo cáo ĐHQGHN (qua Ban Khoa học Công nghệ) kết quả khai thác dự án đầu tư theo mục tiêu và kết quả đầu tư của dự án được phê duyệt.

Điều 18. Quyền hạn và trách nhiệm của chủ nhiệm điều hành dự án

Quyền hạn và trách nhiệm của chủ nhiệm điều hành dự án thực hiện theo Nghị định 52/1999/NĐ-CP ngày 08 tháng 7 năm 1999 về Quy chế Quản lý đầu tư và xây dựng.

Chương VI QUẢN LÝ VÀ TỔ CHỨC KHAI THÁC HỆ THỐNG TRANG THIẾT BỊ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ

Điều 19. Nguyên tắc quản lý hệ thống trang thiết bị khoa học và công nghệ

1. Trang thiết bị phục vụ đào tạo, nghiên cứu khoa học và dịch vụ KH&CN ở ĐHQGHN được đầu tư và quản lý theo tiếp cận sản phẩm đầu ra; là nguồn lực dùng chung của ĐHQGHN.

2. ĐHQGHN quản lý thống nhất và tổ chức khai thác hệ thống trang thiết bị KH&CN theo đúng Quy định hiện hành liên quan của Nhà nước và của ĐHQGHN; quyết định giao, điều chuyển thiết bị cho các đơn vị phù hợp với chức năng, nhiệm vụ; đảm bảo thiết thực và hiệu quả.

Điều 20. Quyền hạn và trách nhiệm của Đại học Quốc gia Hà Nội

1. Ban hành quy định quản lý, khai thác và sử dụng hệ thống trang thiết bị KH&CN của các phòng thí nghiệm tại ĐHQGHN.

2. Tổ chức hướng dẫn, kiểm tra và đánh giá tình hình quản lý, hiệu quả khai thác sử dụng trang thiết bị KH&CN tại các đơn vị.

Điều 21. Quyền hạn và trách nhiệm của các đơn vị

1. Tổ chức triển khai thực hiện quy định của ĐHQGHN về quản lý, khai thác và sử dụng hệ thống trang thiết bị KH&CN tại đơn vị.

2. Xây dựng và ban hành quy chế hoạt động, quy định khai thác và dịch vụ sử dụng trang thiết bị, báo cáo ĐHQGHN để thực hiện.

3. Chịu trách nhiệm trước Giám đốc ĐHQGHN về việc quản lý và phát huy hiệu quả sử dụng của các trang thiết bị do đơn vị quản lý. Thường xuyên kiểm tra, giám sát việc thực hiện các quy định về quản lý và sử dụng thiết bị; Lập báo cáo đánh giá tình hình quản lý, sử dụng, hiệu quả của thiết bị do đơn vị quản lý theo quy định hiện hành của ĐHQGHN.

4. Phê duyệt danh mục trang thiết bị được phép sử dụng vào mục đích dịch vụ KH&CN phù hợp với quy định hiện hành của Nhà nước và của ĐHQGHN.

5. Xây dựng và ban hành quy trình bảo dưỡng, sửa chữa trang thiết bị của đơn vị.

6. Chủ động mở rộng hợp tác với các cơ sở nghiên cứu và sản xuất để tăng cường trang thiết bị triển khai các hoạt động KH&CN của đơn vị theo quy định của Nhà nước và của ĐHQGHN.

Chương VII

QUẢN LÝ VÀ TỔ CHỨC HỘI NGHỊ, HỘI THẢO KHOA HỌC

Điều 22. Tổ chức hội nghị, hội thảo khoa học trong nước

1. Hội nghị, hội thảo khoa học trong nước là các hội nghị, hội thảo tổ chức tại Việt Nam, không có sự tham gia hoặc tài trợ của nước ngoài; không do cơ quan, tổ chức nước ngoài tổ chức hoặc tham gia tổ chức.

2. Thẩm quyền quyết định tổ chức hội nghị, hội thảo:

a) Giám đốc ĐHQGHN và Thủ trưởng đơn vị quyết định việc tổ chức hội thảo, hội nghị của cấp mình và chịu trách nhiệm về nội dung khoa học của hội nghị, hội thảo;

Các đơn vị thành viên báo cáo ĐHQGHN (qua Ban Khoa học Công nghệ) đề án tổ chức hội nghị, hội thảo trước khi quyết định tổ chức đối với các hội nghị, hội thảo có nội dung liên quan đến các vấn đề chính trị, an ninh, quốc phòng, dân tộc, tôn giáo, nhân quyền, biên giới, lãnh thổ hoặc thuộc phạm vi bí mật nhà nước (Mẫu 02/QLKH&CN).

Các đơn vị trực thuộc báo cáo ĐHQGHN (qua Ban Khoa học Công nghệ) trước khi quyết định và thông báo tổ chức hội nghị, hội thảo (Mẫu 02/QLKH&CN).

b) Thủ trưởng đơn vị ban hành quy định tổ chức hội nghị, hội thảo của đơn vị và quản lý hội nghị, hội thảo của các đơn vị cấp dưới trực tiếp.

3. Ban Khoa học Công nghệ phối hợp với đơn vị liên quan tổ chức hội nghị, hội thảo trong nước cấp ĐHQGHN; hướng dẫn và theo dõi việc tổ chức hội nghị, hội thảo ở các đơn vị.

4. Đơn vị có trách nhiệm thành lập Ban Tổ chức, xây dựng nội dung, chương trình; tổ chức hội nghị, hội thảo theo nội dung và kế hoạch đã phê duyệt; chịu trách nhiệm về nội dung, chương trình, tài liệu và tài chính phục vụ hội nghị, hội thảo; báo cáo ĐHQGHN tóm tắt kết quả tổ chức hội nghị, hội thảo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc hội nghị, hội thảo (Mẫu 03/QLKHCN); báo cáo tổng hợp cả năm về công tác tổ chức hội nghị, hội thảo trong nước của đơn vị (Mẫu 04/QLKHCN).

5. Việc lưu trữ tuyển tập báo cáo hội nghị, hội thảo trong nước thực hiện theo quy định trong Điều 25, khoản 3 của Quy định này (trừ khi có quy định riêng).

Điều 23. Tổ chức hội nghị, hội thảo khoa học quốc tế

1. Quản lý và tổ chức hội nghị, hội thảo khoa học quốc tế thực hiện theo quy định tại Chương 5 của Quy định về quản lý hoạt động hợp tác quốc tế ở ĐHQGHN ban hành kèm theo Quyết định số 4616/QĐ-ĐHQGHN ngày 08 tháng 12 năm 2014 của Giám đốc ĐHQGHN.

2. Việc lưu trữ tuyển tập báo cáo hội nghị, hội thảo khoa học quốc tế thực hiện theo quy định trong Điều 25, khoản 3 của Quy định này (trừ khi có quy định riêng).

Chương VIII

QUẢN LÝ, SỬ DỤNG KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ VÀ THÔNG TIN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

Điều 24. Công bố kết quả hoạt động khoa học và công nghệ

1. Sau khi tổng kết các hoạt động KH&CN (nghiệm thu đề tài, dự án, tổng kết hội nghị, hội thảo...), các đơn vị có trách nhiệm thông báo công khai kết quả thực hiện đề tài trên trang thông tin điện tử hoặc bản tin của đơn vị đối với tất cả các nhiệm vụ KH&CN các cấp do đơn vị là cơ quan chủ trì.

2. Kết quả của đề tài, dự án khi công bố dưới dạng các ấn phẩm khoa học phải ghi đầy đủ địa chỉ của ĐHQGHN (tên tiếng Anh: Vietnam National University, Hanoi; viết tắt là VNU), sự tài trợ của ĐHQGHN và của đơn vị chủ trì.

Điều 25. Lưu trữ kết quả và sản phẩm của hoạt động khoa học và công nghệ

1. Việc lưu trữ kết quả và sản phẩm của đề tài cấp ĐHQGHN thực hiện theo Điều 19 của Quy định 3839.

2. Việc lưu trữ kết quả và sản phẩm của đề tài các cấp khác thực hiện theo quy định quản lý của các cấp tương ứng. Ngoài ra, đơn vị chủ trì có trách nhiệm

báo cáo ĐHQGHN (qua Ban Khoa học Công nghệ) tổng hợp kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN được nghiệm thu và đăng ký kết quả thực hiện trong năm (Mẫu 01/QLKHCN).

Trung tâm Thông tin Thư viện cập nhật thông tin kết quả thực hiện các nhiệm vụ KH&CN vào tài nguyên số của ĐHQGHN.

3. Đối với các hội nghị, hội thảo khoa học trong nước và quốc tế do ĐHQGHN hoặc/và các đơn vị tổ chức, sau khi kết thúc hội nghị, Ban Tổ chức hội nghị, hội thảo có trách nhiệm nộp lưu chiểu bản in và CD chế bản tuyển tập báo cáo hội nghị, hội thảo cho Trung tâm Thông tin Thư viện. Trung tâm Thông tin Thư viện nhập cơ sở dữ liệu hội nghị vào tài nguyên số của ĐHQGHN.

Điều 26. Quyền sở hữu, sử dụng kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ

1. Việc quản lý và sử dụng sản phẩm của các đề tài cấp ĐHQGHN thực hiện theo Điều 20 của Quy định 3839.

2. Quyền sở hữu, quyền tác giả đối với kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ từ các đề tài các cấp khác thực hiện theo Luật khoa học và công nghệ và các thỏa thuận liên quan.

Điều 27. Hoạt động dịch vụ và chuyển giao khoa học và công nghệ

1. Việc tổ chức các hoạt động dịch vụ và chuyển giao công nghệ được thực hiện theo quy định tại Điều 46 và Điều 47 của Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ngày 27 tháng 01 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật khoa học và công nghệ, thông qua các hình thức sau:

- a) Cơ sở ươm tạo công nghệ, ươm tạo doanh nghiệp KH&CN;
- b) Trung tâm, sàn giao dịch công nghệ, chợ công nghệ - thiết bị;
- c) Tổ chức dịch vụ đánh giá, định giá, giám định, tư vấn chuyển giao công nghệ;
- d) Trung tâm xúc tiến và hỗ trợ hoạt động chuyển giao công nghệ;
- e) Các tổ chức dịch vụ KH&CN khác có liên quan đến thị trường KH&CN.

2. Quyền và nghĩa vụ của tổ chức được chuyển giao quyền sở hữu, quyền sử dụng các kết quả nghiên cứu KH&CN sử dụng ngân sách nhà nước và phân chia lợi nhuận được quy định theo Điều 41 và Điều 42 của Nghị định 08/2014/NĐ-CP ngày 27 tháng 01 năm 2014 của Chính phủ và quy định của ĐHQGHN.

3. Thủ trưởng đơn vị ban hành quy định về hoạt động dịch vụ và

chuyên giao KH&CN của đơn vị phù hợp với nội dung và tính chất của đơn vị, phù hợp với quy định của Nhà nước và của ĐHQGHN.

Điều 28. Phát triển và quản lý thông tin khoa học và công nghệ

1. Tài nguyên KH&CN ngoại sinh

a) Tài nguyên thông tin KH&CN ngoại sinh được ĐHQGHN (qua Trung tâm Thông tin Thư viện) tổ chức phát triển trên cơ sở nguồn cơ sở dữ liệu ISI, Scopus, các nhà xuất bản và thư viện các trường đại học trong và ngoài nước; đảm bảo yêu cầu phục vụ nghiên cứu khoa học, đào tạo và quản lý.

b) Hằng năm, Trung tâm Thông tin Thư viện phối hợp với các đơn vị tổ chức đánh giá hiệu quả sử dụng nguồn tài nguyên ngoại sinh, xây dựng kế hoạch bổ sung, tổ chức cập nhật, bổ sung định kỳ theo các hình thức: mua mới, đặt mới; đăng ký sử dụng; được biếu, tặng và đề xuất phương án khai thác hợp lý.

2. Tài nguyên KH&CN nội sinh

a) Tài nguyên KH&CN nội sinh là các kết quả KH&CN do cá nhân, đơn vị thuộc ĐHQGHN tạo ra từ các hoạt động KH&CN (kết quả thực hiện đề tài KH&CN, ấn phẩm khoa học, luận án, luận văn).

b) Trung tâm Thông tin Thư viện là đơn vị đầu mối tập hợp và phát triển tài nguyên KH&CN nội sinh của ĐHQGHN.

c) Cá nhân, tập thể thuộc ĐHQGHN có trách nhiệm nộp lưu chiểu các sản phẩm quy định tại điểm a khoản này về Trung tâm Thông tin Thư viện theo quy định tại Nghị định số 11/2014/NĐ-CP ngày 18 tháng 02 năm 2014 của Chính phủ quy định về hoạt động thông tin khoa học và công nghệ và của ĐHQGHN.

d) Các đơn vị có trách nhiệm cập nhật tài nguyên nội sinh của đơn vị theo quy định về quản lý và hoạt động mạng VNUnet và cổng thông tin điện tử của ĐHQGHN (Ban hành theo Quyết định số 857/QĐ-ĐHQGHN ngày 20 tháng 3 năm 2014 của Giám đốc ĐHQGHN).

Điều 29. Đánh giá chất lượng, hiệu quả hoạt động KH&CN dựa vào thông tin khoa học và công nghệ

1. Dữ liệu thông tin KH&CN của cá nhân và đơn vị được tự cập nhật trên cổng thông tin cán bộ, cổng thông tin KH&CN của ĐHQGHN và một phần trong cơ sở dữ liệu ISI, Scopus.

2. Hằng năm, trên cơ sở thống kê thông tin KH&CN trên cổng thông tin của ĐHQGHN và cơ sở dữ liệu ISI, Scopus, ĐHQGHN đánh giá hiệu quả hoạt động KH&CN của các đơn vị, cá nhân làm cơ sở cho việc phân bổ các nguồn lực và đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ.

3. Hằng năm, Viện Đảm bảo chất lượng giáo dục làm đầu mối phối hợp với Trung tâm Thông tin Thư viện và các đơn vị tổ chức đánh giá, báo cáo kết quả cho Giám đốc ĐHQGHN.

Điều 30. Hoạt động truyền thông khoa học và công nghệ

1. ĐHQGHN, các đơn vị và các nhà khoa học chủ động thực hiện truyền thông hoạt động KH&CN của cá nhân và đơn vị kịp thời và chính xác.

2. Định kỳ sáu tháng một lần (vào ngày 30 tháng 6 và 31 tháng 12 hằng năm), đơn vị xây dựng và báo cáo ĐHQGHN (qua Văn phòng ĐHQGHN) kế hoạch và phương án truyền thông hoạt động KH&CN của đơn vị. Văn phòng ĐHQGHN chịu trách nhiệm tổ chức phân cấp truyền thông và trực tiếp tổ chức truyền thông các hoạt động và sự kiện liên ngành và liên lĩnh vực.

3. Kinh phí truyền thông KH&CN trích từ nguồn ngân sách sự nghiệp KH&CN và kinh phí từ các đề tài, dự án khác.

Chương IX KHEN THƯỞNG VÀ XỬ LÝ VI PHẠM TRONG HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

Điều 31. Các hình thức khen thưởng về khoa học và công nghệ

Cá nhân, tập thể có thành tích xuất sắc trong hoạt động KH&CN được xét tặng danh hiệu, giải thưởng về KH&CN và các hình thức khen thưởng sau đây:

1. Danh hiệu, giải thưởng và các hình thức khen thưởng về KH&CN quốc gia, bộ, ngành theo các quy định hiện hành.

2. Danh hiệu, giải thưởng KH&CN quốc tế phù hợp với pháp luật Việt Nam.

3. Giải thưởng và các hình thức khen thưởng về KH&CN cấp ĐHQGHN

a) Giải thưởng: thực hiện theo Quy định về Giải thưởng KH&CN của ĐHQGHN ban hành kèm theo Quyết định số 3493/QĐ-ĐHQGHN ngày 03 tháng 10 năm 2014 của Giám đốc ĐHQGHN và các quy định liên quan.

b) Khen thưởng: cá nhân, tập thể có thành tích đột xuất, đặc biệt xuất sắc được Giám đốc ĐHQGHN xem xét, quyết định tặng bằng khen theo quy định về tiêu chuẩn và quy trình xét duyệt thi đua, khen thưởng tại ĐHQGHN ban hành theo Quyết định 54/QĐ-ĐHQGHN ngày 06 tháng 01 năm 2015 của Giám đốc ĐHQGHN.

4. Khen thưởng KH&CN cấp đơn vị

Thủ trưởng đơn vị xét khen thưởng cấp cơ sở đối với các cá nhân, tập thể có thành tích xuất sắc trong hoạt động KH&CN theo các quy định của đơn

vị và của ĐHQGHN.

Điều 32. Thực hiện đạo đức nghề nghiệp trong hoạt động khoa học và công nghệ

1. Cá nhân, tập thể tham gia các hoạt động KH&CN phải tuân thủ các quy định về đạo đức nghề nghiệp theo thông lệ quốc tế, quy định hiện hành của Nhà nước và của ĐHQGHN.

2. Các nghiên cứu KH&CN có đối tượng nghiên cứu là con người cần giảm thiểu tối đa các nguy cơ gây hại và tăng cường tối đa lợi ích; tôn trọng nhân phẩm, quyền riêng tư và tự do cá nhân, đặc biệt với các đối tượng xã hội dễ bị tổn thương; đảm bảo hài hòa giữa lợi ích và mục tiêu của nghiên cứu.

3. Các hành vi bị cấm

a) Lợi dụng hoạt động khoa học và công nghệ để xâm phạm lợi ích của Nhà nước, quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân; gây thiệt hại đến tài nguyên, môi trường, sức khỏe con người; trái với đạo đức, thuần phong mỹ tục của dân tộc.

b) Xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ; chiếm đoạt, chuyển nhượng, chuyển giao bất hợp pháp kết quả khoa học và công nghệ.

c) Tiết lộ tài liệu, kết quả khoa học và công nghệ thuộc danh mục bí mật nhà nước; lừa dối, giả mạo trong hoạt động khoa học và công nghệ.

d) Cản trở hoạt động khoa học và công nghệ hợp pháp của tổ chức, cá nhân.

Điều 33. Xử lý vi phạm trong hoạt động khoa học và công nghệ

1. Các hình thức vi phạm

a) Không hoàn thành nhiệm vụ; vi phạm thỏa thuận trong hợp đồng thực hiện nhiệm vụ KH&CN đã ký kết;

b) Vi phạm đạo đức nghề nghiệp và các hành vi bị cấm.

2. Xử lý vi phạm

a) Chủ nhiệm đề tài không hoàn thành nhiệm vụ, vi phạm thỏa thuận trong hợp đồng sẽ bị xử lý theo quy định hiện hành của Nhà nước, quy định của ĐHQGHN và thu hồi toàn bộ hoặc một phần kinh phí được cấp theo kết quả đánh giá của Hội đồng và xác minh của các cấp quản lý tương ứng.

b) Cá nhân và tập thể vi phạm đạo đức nghề nghiệp, không trung thực trong khoa học và có các hành vi bị cấm, tùy tính chất và mức độ vi phạm sẽ bị xử lý theo quy định pháp luật hiện hành và các quy định của ĐHQGHN.

Chương X
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 34. Hiệu lực thi hành

Quy định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế Hướng dẫn số 1895/QĐ-ĐHQGHN ngày 24 tháng 6 năm 2010 của Giám đốc ĐHQGHN và các văn bản trước đây về các vấn đề có liên quan.

Điều 35. Tổ chức thực hiện

1. Ban KH&CN có trách nhiệm hướng dẫn các đơn vị thực hiện quy định này; phối hợp với Văn phòng, các Ban chức năng kiểm tra, giám sát và báo cáo Giám đốc ĐHQGHN về tình hình và kết quả thực hiện.

2. Thủ trưởng các đơn vị thành viên, trực thuộc, các nhà khoa học và cá nhân liên quan chịu trách nhiệm trước Giám đốc ĐHQGHN về các nhiệm vụ được giao; tuân thủ đầy đủ các quy định của ĐHQGHN về quản lý KH&CN và thực hiện các nhiệm vụ và quyền hạn khác theo đúng quy định của pháp luật.

3. Trong quá trình thực hiện Quy định này, nếu phát sinh vướng mắc cần điều chỉnh hoặc bổ sung, đơn vị và cá nhân liên quan báo cáo Giám đốc ĐHQGHN (qua Ban Khoa học và Công nghệ) để xem xét, quyết định sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

28/02

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Nguyễn Hữu Đức

MẪU 01/QLKHCN

(Ban hành kèm theo Quyết định số 286/QĐ-ĐHQGHN ngày 16 tháng 01 năm 2015
của Giám đốc ĐHQGHN)

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
ĐƠN VỊ/CHƯƠNG TRÌNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm 20.....

BÁO CÁO

**TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
NĂM 20...**

TT	Tên đề tài/dự án; chủ trì đề tài và người tham gia chính	Mục tiêu	Thời gian/ Kinh phí thực hiện	Kết quả khoa học đạt được	Sản phẩm khoa học (liệt kê đầy đủ tên, nơi công bố của các ấn phẩm, bằng sáng chế, đăng ký ứng dụng...)

....., ngày tháng năm 20.....

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(hoặc Ban chủ nhiệm chương
trình, cá nhân thực hiện, báo cáo)



MẪU 02/QLKHCN
(Ban hành kèm theo Quyết định số 286/QĐ-ĐHQGHN ngày 16 tháng 01 năm 2015
của Giám đốc ĐHQGHN)

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
TÊN ĐƠN VỊ

ĐỀ ÁN

Chủ đề của hội nghị/hội thảo khoa học và công nghệ trong nước

1. Lý do, danh nghĩa tổ chức, mục đích của hội nghị/hội thảo
2. Thời gian và địa điểm tổ chức
3. Hình thức và công nghệ tổ chức
4. Nội dung, chương trình làm việc và các hoạt động bên lề hội nghị/hội thảo
5. Thành phần tham gia tổ chức: cơ quan phía Việt Nam và cơ quan tài trợ (nếu có)
6. Thành phần tham dự, số lượng; danh sách đại biểu (dự kiến);
7. Dự kiến thành phần Ban Tổ chức
8. Nguồn kinh phí và dự kiến kinh phí tổ chức hội nghị/hội thảo.

....., ngày tháng năm 20.....

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(ký tên và đóng dấu)



MẪU 04/QLKHCN
(Ban hành kèm theo Quyết định số 286/QĐ-ĐHQGHN ngày 16 tháng 01 năm 2015
của Giám đốc ĐHQGHN)

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
TÊN ĐƠN VỊ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:.....

Hà Nội, ngày ... tháng ... năm ...

V/v báo cáo tổng hợp về hội nghị/
hội thảo KH&CN trong nước

Kính gửi: Đại học Quốc gia Hà Nội
(qua Ban Khoa học Công nghệ)

(Đơn vị) báo cáo ĐHQGHN về tổng hợp tình hình tổ chức hội nghị/hội thảo KH&CN trong nước như sau:

1. Thông tin tổng hợp

TT	Tên hội nghị/ hội thảo trong nước và quốc tế đã tổ chức	Số lượng đại biểu Việt Nam	Chủ đề, nội dung hội nghị/hội thảo (phân loại theo nhóm nếu được)	Tổng kinh phí (gồm kinh phí từ NSNN, do nước ngoài tài trợ, do nguồn khác)	Kết quả xuất bản tuyên tập hội nghị/hội thảo và nộp lưu chiếu
1
...	Tổng số

2. Nhận xét, đánh giá kết quả và tình hình tổ chức hội nghị/hội thảo trong nước và quốc tế

- a) Đánh giá kết quả tổ chức hội nghị/hội thảo trong nước
- b) Kinh nghiệm được rút ra về công tác tổ chức hội nghị/hội thảo

3. Dự kiến kế hoạch tổ chức hội nghị/hội thảo trong nước và quốc tế năm tiếp theo của đơn vị.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lưu: ...

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(ký tên và đóng dấu)

